

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN
THÔNG
Số: 58/2004/QĐ-BBCVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành Biểu mẫu báo cáo thống kê trong
hoạt động bưu chính và chuyển phát thư**

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Căn cứ Luật Thống kê ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 157/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2004 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về bưu chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bưu chính và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mẫu báo cáo thống kê trong hoạt động bưu chính và chuyển phát thư.

Điều 2. Bưu chính Việt Nam, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư thực hiện báo cáo định kỳ theo đúng biểu mẫu Bộ Bưu chính, Viễn thông quy định. Báo cáo gửi về Bộ Bưu chính, Viễn thông trước ngày 10 tháng 04 của năm sau năm báo cáo. Số liệu báo cáo phải đảm bảo đúng thực tế, thống nhất với các báo cáo khác của doanh nghiệp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Bưu chính, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc doanh nghiệp Bưu chính Việt Nam, Giám đốc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

MẪU SỐ 01:

(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2004/QĐ-BBCVT ngày 29 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông)

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG BƯU CHÍNH NĂM

(Số liệu báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo)

1. BÁO CÁO TỔNG QUÁT

1.1 Lao động

Đơn vị: người

Tính chất lao động	Số lượng
Hợp đồng không xác định thời hạn*	
Hợp đồng từ 1 đến 3 năm	
Hợp đồng dưới 1 năm	
Tổng số	

* Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Doanh nghiệp Bưu chính Việt Nam thống kê vào mục Hợp đồng không xác định thời hạn

1.2 Một số chỉ tiêu tài chính

Phân loại	Đơn vị (triệu đồng)
Tổng doanh thu: - Tổng doanh thu phát sinh - Tổng doanh thu sau phân chia	
Tổng chi phí	
Tổng doanh thu sau phân chia - (trừ) Tổng chi phí	
Tổng vốn đầu tư thực hiện	
Giá trị TSCĐ tăng bằng nguồn vốn đầu tư trong năm	
Tổng nguyên giá TSCĐ cuối kỳ	
Tổng số tiền nộp ngân sách: - Tổng số phải nộp - Tổng số đã nộp	

2. MẠNG BƯU CHÍNH CÔNG CỘNG

2.1 Bưu cục, điểm phục vụ và thùng thư công cộng

Phân loại	Số lượng
Bưu cục giao dịch	

Bưu cục ngoại dịch	
Bưu cục cửa khẩu biên giới	
Bưu cục có cung cấp dịch vụ tài chính*: + Trong đó: - Bưu cục có cung cấp dịch vụ TKBD:	
Đại lý dịch vụ bưu chính	
Điểm Bưu điện - Văn hoá xã	
Quầy giao dịch lưu động, kiốt	
Thùng thư công cộng	

* Bưu cục có cung cấp dịch vụ tài chính là bưu cục cung cấp một hoặc cả hai dịch vụ: dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ tiết kiệm bưu điện.

2.2 Năng lực phục vụ

Khu vực	Số lượng bưu cục/số lượng điểm BĐVHX	Số xã có báo Nhân Dân trong ngày/tổng số xã	Bán kính phục vụ bình quân (km/điểm)	Số dân phục vụ bình quân (người/điểm)
Thành thị				
Nông thôn				
Miền núi, hải đảo				
Khu vực miền núi, xã đặc biệt khó khăn				

2.3 Tình hình hoạt động trên mạng bưu chính công cộng

Khu vực	Số lần thu gom	Số lần đi phát
Thành thị	.../ngày	.../ngày
Nông thôn	.../tuần	.../tuần
Miền núi, hải đảo	.../tuần	.../tuần
Khu vực miền núi, xã đặc biệt khó khăn	.../tuần	.../tuần

3. DỊCH VỤ

3.1 Dịch vụ bưu chính

3.1.1 Dịch vụ bưu chính cơ bản

Loại dịch vụ		Đi trong nước			Quốc tế					
					Đi			Đến		
		Sản lượng* (cái/kg)	Doanh thu (Tr. đ)	Chi phí (Tr.đ)	Sản lượng* (cái/kg)	Doanh thu (Tr. đ)	Chi phí (Tr. đ)	Sản lượng* (cái/kg)	Doanh thu (Tr.đ)	Chi phí (Tr.đ)
Thư	DV Phổ cập									
	Thư ngoài phạm vi phổ cập									
Ăn phẩm										
Gói nhỏ										
Học phẩm người mù										
Bưu kiện	DV Phổ cập									
	BK ngoài phạm vi phổ cập									
Tổng cộng										

- * - Cột sản lượng không tính tổng cộng
- Doanh nghiệp báo cáo sản lượng theo cái hoặc kg hoặc theo cả cái và kg tùy theo dịch vụ cung cấp

3.1.2
Dịch vụ bưu chính cộng thêm (trừ các dịch vụ quy định tại 3.1.3 và 3.1.4)

Loại dịch vụ	Đi trong nước		Quốc tế			
			Đi		Đến	
	Sản lượng (cái / kg)	Doanh thu (Tr. đ)	Sản lượng (cái / kg)	Doanh thu (Tr.đ)	Sản lượng (cái / kg)	Doanh thu (Tr. đ)
Bưu phẩm ghi số						
Bưu phẩm khai giá						
Bưu phẩm quảng cáo						
Bưu phẩm lai ghép						

Bưu phẩm chuyển phát nhanh						
Bưu kiện khai giá						
.....						
Tổng cộng						

3.1.3 Dịch vụ bưu chính bắt buộc

Loại dịch vụ	Sản lượng (cái/kg)	Doanh thu (Tr.đ)	Chi phí (Tr.đ)	Doanh thu - (trừ) chi phí (Tr.đ)
A.				
B.				
...				
Tổng cộng				

3.1.4 Dịch vụ bưu chính dành riêng

Loại dịch vụ	Sản lượng (cái/kg)	Doanh thu (Tr.đ)	Chi phí (Tr.đ)	Doanh thu - (trừ) chi phí (Tr.đ)

3.2 Các nhiệm vụ công ích

Loại dịch vụ	Sản lượng (cái/kg)	Doanh thu (Tr.đ)	Chi phí (Tr.đ)	Doanh thu - (trừ) chi phí (Tr.đ)
A.				
B.				
...				
Tổng cộng				

3.3 Tem bưu chính